

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2024/HSST
Ngày 24/6/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Đức
2. Ông Phan Hữu Tỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa: bà Cao Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 24/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 29/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/HSST-QĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, đối với:

Bị cáo **Nguyễn Xuân T (Có mặt)**, tên gọi khác: không; sinh năm 1994; tại tỉnh G; nơi đăng ký thường trú: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; nơi ở trước khi phạm tội: thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T (sinh năm 1968) và bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1976), hiện đang trú tại Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ; bị cáo có vợ là Nguyễn Huỳnh Yến P (sinh năm 1999) và 01 con sinh năm 2021; tiền án: 01; tiền sự: không; về nhân thân: Ngày 17/11/2010, bị Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa (nay là T phố Gia Nghĩa), tỉnh Đắk Nông xử phạt 05 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 44/2010/HS-ST). Ngày 26/5/2011 bị Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa (nay là T phố Gia Nghĩa), tỉnh Đắk Nông xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 27/2011/HS-ST). Ngày 26/6/2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 197/2013/HSST), bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và đã được xóa án tích. Ngày 17/3/2023, bị

Toà án nhân dân huyện Đắk R’lấp, tỉnh Đắk Nông xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 14/2023/HS-ST ngày). Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/12/2023, nhưng chưa được xóa án tích. Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/3/2024 sau đó chuyển tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

- *Người bị hại:*

1. Bà Lê Thị M (*Vắng mặt*), sinh năm 1956
Địa chỉ: thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ.
2. Anh Nguyễn Quốc T (*Vắng mặt*), sinh năm 1979.
Địa chỉ: thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ
3. Chị Đặng Mùi G (*Vắng mặt*), sinh năm 1996.
Địa chỉ: thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn C (*Vắng mặt*)
Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.
2. Anh Nguyễn Văn D (*Vắng mặt*)
Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân T (sinh năm 1994), có đăng ký thường trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ. Ngày 13/12/2023, sau khi chấp hành xong án phạt tù tại Trại giam Đắk PLao, T không về nhà mà đến sinh sống, làm thuê tại kho thu mua nông sản S thuộc thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ. Do công việc không ổn định và hay tham gia đánh bạc dưới hình thức game online nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để có tiền tiêu xài cá nhân và chơi game. Từ ngày 02/3/2024 đến ngày 03/3/2024, bị cáo Nguyễn Xuân T đã 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trái pháp luật của người khác, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 00 giờ 00 phút ngày 02/3/2024, bị cáo T phát hiện nhà bà Lê Thị M (sinh năm 1956; Trú tại: thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ) không có ai ở nhà và cửa không khóa, T đi vào trong nhà và thấy có 03 chiếc điện thoại di động (gồm 01 điện thoại nhãn hiệu REALME màu xám; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO màu trắng; 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG J8) đang sạc pin ở sát vách nhà bên phải nên T bỏ 03 điện thoại trên vào trong túi quần và đi bộ về kho thu mua nông sản S ngủ. Sáng ngày 03/3/2024, T sử dụng tài khoản Facebook BEN CHANGES liên hệ với anh Nguyễn Văn C (sinh năm 1992, trú tại thôn T,

xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ) có tài khoản Facebook là Mua xác Đt hồng. T trao đổi và thống nhất bán cho anh C 02 điện thoại di động nhãn hiệu REALME màu xám và nhãn hiệu OPPO màu trắng với số tiền 900.000 đồng. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J8 T giữ lại để sử dụng. Sau đó, T kết bạn zalo với anh C để gửi vị trí hẹn gặp T xem điện thoại. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, anh C cùng anh Nguyễn Văn D (sinh năm 1995, là người cùng thu mua điện thoại cũ với anh C) đến quán cà phê H của vợ chồng anh Nguyễn Quốc T (sinh năm 1979) và chị Đặng Mùi G (sinh năm 1996) thuộc thôn Quảng Tiến, xã Quảng Sơn gặp T. Sau khi xem điện thoại, anh D chuyển khoản cho T số tiền 950.000 đồng (trong đó: 900.000 tiền bán điện thoại và 50.000 đồng tiền cà phê) rồi cầm 02 điện thoại ra về; Số tiền 950.000 đồng có được, T sử dụng để chơi game hết.

Lần thứ hai: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 02/3/2024, bị cáo T đến quán võng Hoa Quỳnh của vợ chồng anh Nguyễn Quốc T (sinh năm 1979), chị Đặng Mùi G (sinh năm 1996) tại thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ uống nước để chờ xe khách đi Đắk Lắk. T nghỉ ngơi ở quán đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì quan sát thấy những tấm gỗ ốp xung quanh phòng ngủ trong quán có khe hở nên nảy sinh ý định cạy các tấm ván để đột nhập vào bên trong phòng ngủ trộm cắp tài sản. Sau đó, T đi đến quán võng khác, cách quán võng H khoảng 20m ngồi chờ và sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu REDMI loại 10c, màu xanh của T để cài đặt báo thức thức dậy vào lúc 01 giờ ngày 03/3/2024. Sau khi điện thoại báo thức, T dậy và đi bộ đến quán võng H, dùng hai tay cạy các tấm ván bị hở rộng ra để chui vào bên trong phòng ngủ, rồi dùng điện thoại bật đèn để chiếu sáng, thì thấy vợ chồng anh T, chị G đang ngủ và ở góc đầu giường phía bên trái có 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, loại V23 5G màu vàng đồng và 01 điện thoại di động SAMSUNG GALAXY, loại A12, màu xanh (đều bị bể màn hình điện thoại); T lấy và bỏ 02 điện thoại vào túi quần và tìm kiếm Cn tài sản nào khác để trộm cắp nhưng không phát hiện gì nên T mở cửa phòng ngủ rồi đi bộ về kho thu mua nông sản S. Đến khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, T kiểm tra 02 điện thoại di động thì phát hiện tại thư mục Album của điện thoại SAMSUNG GALAXY, loại A12, màu xanh của chị G có hình ảnh thể hiện mật khẩu đăng nhập của tài khoản ngân hàng S của chị G, T đăng nhập vào tài khoản ngân hàng qua ứng dụng Banking S trong điện thoại, kiểm tra số dư tài khoản Cn 8.120.000 đồng. T sử dụng điện thoại nhãn hiệu REMID của T đăng nhập vào tài khoản chơi game trực tuyến “789BET” và nhập số tiền cần nạp là 8.000.000 đồng rồi cầm điện thoại SAMSUNG GALAXY thực hiện quét mã QR để chuyển số tiền 8.000.000 đồng trong tài khoản ngân hàng qua ứng dụng Banking S vào tài khoản game “789BET”. Sáng ngày 04/3/2024, T tiếp tục liên hệ với anh C qua tài khoản Facebook và bán cho anh C 02 điện thoại di động trộm cắp được với số tiền là 1.500.000 đồng. Sau đó, T gửi vị trí qua zalo cho anh C đến kho thu mua nông sản S lấy điện thoại; Khoảng 10 giờ cùng ngày,

anh C đến kho S gặp T và T đưa cho anh C 02 điện thoại di động trộm cắp được rồi anh C thông báo cho anh D để chuyển khoản cho T số tiền 1.500.000 đồng; Số tiền 8.000.000 đồng và 1.500.000 đồng có được, T đã sử dụng chơi game hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 08/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đắk Glong kết luận: Giá trị của 02 chiếc điện thoại di động bao gồm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY, loại A12, màu xanh và 01 chiếc điện thoại di động VIVO, loại V23 5G màu vàng đồng (cả 02 chiếc điện thoại đều bị bể màn hình bên ngoài) tại thời điểm ngày 03/3/2024 là 4.433.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 01/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đắk Glong kết luận: Giá trị của 03 chiếc điện thoại di động bao gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG J8, màu vàng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu REALME, loại C20, màu xám; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A15, màu trắng tại ngày 02/3/2024 là 3.467.000 đồng.

Tổng giá trị của các tài sản, tiền mà bị cáo Nguyễn Xuân T đã chiếm đoạt của những người bị hại là 15.900.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 28/Ctr-VKS ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Xuân T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo đồng ý bồi thường tổng số tiền 10.400.000 đồng cho người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bị cáo không có ý kiến hay tranh luận gì thêm và khi được nói lời sau cùng đã đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong sau khi phân tích tính chất vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/3/2024.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Glong đã ra các Quyết định xử lý vật chứng số 213/QĐ-

CSĐT ngày 12/3/2014, số 339/QĐ-CSĐT trả lại 02 điện thoại di động cho ông Nguyễn Quốc T, bà Đặng Mùi G và 03 điện thoại di động cho bà Lê Thị M là chủ sở hữu hợp pháp, cũng như trả lại những đồ vật không có liên quan đến hành vi phạm tội cho bị cáo T. Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI, loại 10C, màu xanh do Nguyễn Xuân T sử dụng làm công cụ để thực hiện hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quốc T và bà Đặng Mùi G, buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải bồi thường cho ông T và bà G số tiền 8.000.000 đồng mà bị cáo T đã chiếm đoạt trong tài khoản ngân hàng của chị G. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Xuân D, buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải bồi thường cho anh C và anh D số tiền 2.400.000 đồng. Bà Lê Thị M đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo Nguyễn Xuân T bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự và 520.000 đồng tiền án phí dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; lời khai của bị cáo; lời khai của người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Glong, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Xuân T cũng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người liên quan, vật chứng thu giữ, các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa.

[3]Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 02/3/2024 và ngày 03/3/2024, tại thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ, bị cáo Nguyễn Xuân T đã 02 lần có hành vi lén lút chiếm đoạt trái pháp luật tài sản của người khác:

Lần thứ nhất: Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 02/3/2024, bị cáo T đã lén lút chiếm đoạt của bà Lê Thị M 03 chiếc điện thoại di động: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG J8, màu vàng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu REALME, loại C20, màu xám; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, loại A15, màu trắng, tổng trị giá là 3.467.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 03/3/2024, bị cáo T đã lén lút chiếm đoạt của vợ chồng anh Nguyễn Quốc T, chị Đặng Mùi G 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, loại V23 5G màu vàng đồng của anh T; 01 điện thoại di động SAMSUNG GALAXY, loại A12, màu xanh của chị G và số tiền 8.000.000 đồng trong tài khoản ngân hàng của chị G. Tổng tài sản chiếm đoạt giá trị là 12.433.000 đồng.

Tổng trị giá của các tài sản, tiền mà bị cáo T đã chiếm đoạt của những người bị hại là 15.900.000 đồng.

[4]Hành vi mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác mà không được sự đồng ý của họ là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên vẫn cố ý thực hiện, bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu T tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[5]Xét tính chất hành vi do bị cáo gây ra thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng hành vi này là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, do đó cũng cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[6]Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong ngày 02/3/2024 và ngày 03/3/2024 bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và mỗi lần đều đủ yếu tố cấu T tội trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm

tội 02 lần trở lên” và bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp “Tái phạm”. Do vậy, bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã T khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[8] Về nhân thân bị cáo: Tiền án: có 01 tiền án, tiền sự: không; nhân thân xấu: Ngày 17/11/2010, bị Toà án nhân dân thị xã Gia Nghĩa (nay là T phố Gia Nghĩa), tỉnh Đắk Nông xử phạt 05 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 44/2010/HS-ST). Ngày 26/5/2011 bị Toà án nhân dân thị xã Gia Nghĩa (nay là T phố Gia Nghĩa), tỉnh Đắk Nông xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 27/2011/HS-ST). Ngày 26/6/2013, bị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 197/2013/HSST), bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và đã được xóa án tích. Ngày 17/3/2023, bị Toà án nhân dân huyện Đắk R’lấp, tỉnh Đắk Nông xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 14/2023/HS-ST), bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/12/2023 nhưng chưa được xóa án tích.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo T công dân có ích cho gia đình và xã hội, răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị M (bị hại) đã nhận lại tài sản (03 chiếc điện thoại), không yêu cầu bị cáo T bồi thường. Ông Nguyễn Quốc T và bà Đặng Mùi G (bị hại) yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 8.000.000 đồng mà bị cáo T đã chiếm đoạt trong tài khoản ngân hàng của bà G là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Anh Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Xuân D (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) yêu cầu bị cáo Nguyễn Xuân T phải bồi thường số tiền 2.400.000 đồng là số tiền mà anh D và anh C đã chuyển khoản cho bị cáo T khi mua 04 chiếc điện thoại, yêu cầu bồi thường này là phù hợp với pháp luật nên cần chấp nhận.

[11] Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự:

Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Glong đã ra các Quyết định xử lý vật chứng số 213/QĐ-CSĐT ngày 12/3/204, số 339/QĐ-CSĐT trả lại 02 điện thoại di động cho ông Nguyễn Quốc T, bà Đặng Mùi G và trả lại 03 điện thoại di động cho bà Lê Thị M là những chủ sở hữu hợp pháp, cũng như trả lại những đồ

vật không có liên quan đến hành vi phạm tội cho bị cáo T là phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI, loại 10C, màu xanh do của bị cáo Nguyễn Xuân T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[12] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do bị cáo bị kết án nên bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự và do bị cáo phải bồi thường cho người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với tổng số tiền là 10.400.000 đồng nên bị cáo phải chịu 520.000 đồng tiền án phí dân sự.

[13] Xét quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/3/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015: Buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải bồi thường cho anh Nguyễn Quốc T, chị Đặng Mùi G số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) và bồi thường cho anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Xuân D số tiền 2.400.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Glong đã ra các Quyết định xử lý vật chứng số 213/QĐ-CSĐT ngày 12/3/2024, số 339/QĐ-CSĐT trả lại 02 điện thoại di động cho ông Nguyễn Quốc T, bà Đặng Mùi G và trả lại 03 điện thoại di động cho bà Lê Thị M là những chủ sở hữu hợp pháp, cũng như trả lại những đồ vật không có liên quan đến hành vi phạm tội cho bị cáo Nguyễn Xuân T.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI, loại 10C, màu xanh (*Có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện và Chi cục THADS huyện Đ*).

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án: Bị cáo Nguyễn Xuân T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 520.000 đồng (*Năm trăm hai mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Glong (02);
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Công an huyện Đắk Glong
(Đội điều tra, Bộ phận NVHS,
Đội THAHS);
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng